

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Huy Du           | 10A1 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Trần Ngọc Thùy Linh | 10A1 | Đi học trễ            | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Đào Kim Ngân        | 10A1 | Vắng có phép          | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Ngô Ngọc Ngân       | 10A1 | Đi học trễ            | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Tấn Phát     | 10A1 | Đi học trễ            | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Tấn Phát     | 10A1 | Không Phù hiệu        | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Bùi Minh Quang      | 10A1 | Đi học trễ            | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Phạm Thị Tuyết      | 10A1 | Đi học trễ            | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |      |                       |            | -12.00  | -12.00  | 8       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm An An            | 10A2 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Dương Ngọc Ánh        | 10A2 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Dương Ngọc Ánh        | 10A2 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lương Thị Phương Diễm | 10A2 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Thị Trúc Dung  | 10A2 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thị Trúc Dung  | 10A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Hứa Hoàng Lâm         | 10A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Hứa Hoàng Lâm         | 10A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Lê Quốc Minh          | 10A2 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Trọng Nghĩa    | 10A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Võ Yến Nhi            | 10A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Đặng Nguyễn Quỳnh     | 10A2 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Kim San               | 10A2 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Kim San               | 10A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 23/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 15    | Nguyễn Tấn Tài        | 10A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Bùi Thị Thùy Trang    | 10A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Lê Văn Trung          | 10A2 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                                |            | -36.00  | -36.00  | 17      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng       | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|-----------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Tiến Dũng       | 10A3 | Vắng có phép                | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Thùy Dương  | 10A3 | Vắng có phép                | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Thị Thùy Dương  | 10A3 | Vắng có phép                | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Minh Nhật       | 10A3 | Đi học trễ                  | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Bùi Nhật Thanh         | 10A3 | Quần áo không đúng quy định | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Huỳnh Phương Vy | 10A3 | Vắng có phép                | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |      |                             |            | -4.00   | -4.00   | 6       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Lan Anh | 10A4 | Đi học trễ              | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Võ Trần Hoài        | 10A4 | Đi học trễ              | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Võ Trần Hoài        | 10A4 | Không chấp hành kỷ luật | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Võ Trần Anh Khoa    | 10A4 | Đi học trễ              | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Võ Trần Anh Khoa    | 10A4 | Không chấp hành kỷ luật | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Hữu Lộc      | 10A4 | Đi học trễ              | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Hoàng Phương Nam    | 10A4 | Vắng có phép            | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Lý Kim Ngân         | 10A4 | Đi học trễ              | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Huỳnh Minh Thư      | 10A4 | Vắng có phép            | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                         |            | -18.00  | -18.00  | 9       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Mai Quỳnh Anh  | 10A5 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Phan Thị Thanh Hằng   | 10A5 | Đi học trễ            | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Tuyết Hồng | 10A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Huỳnh Ngọc Yến Nhi    | 10A5 | Đi học trễ            | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                       |            | -4.00   | -4.00   | 4       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Vân Anh | 10A6 | Đi học trễ              | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Lê Châu Quốc Bảo    | 10A6 | Đi học trễ              | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Trần Tấn Đạt        | 10A6 | Vắng có phép            | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Cao Đăng Hoàng      | 10A6 | Đi học trễ              | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Huỳnh Minh Huy      | 10A6 | Vắng có phép            | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Vũ Thị Yến Nhi      | 10A6 | Đi học trễ              | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Tấn Tài      | 10A6 | Đi học trễ              | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Tấn Tài      | 10A6 | Không chấp hành kỷ luật | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Lê Trần Quỳnh Trân  | 10A6 | Vắng có phép            | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Huỳnh Ngọc Minh Tú  | 10A6 | Vắng có phép            | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                         |            | -14.00  | -14.00  | 10      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Thanh Ngân     | 10A7 | Vắng có phép          | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thành Nhân | 10A7 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Dương Kim Tấn     | 10A7 | Đi học trễ            | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                   |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 3       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Đào Nhật Anh         | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Gia Bảo       | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Ngọc Diệp         | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Hà Hồng Hà           | 10A8 | Đi học trễ               | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Hà Hồng Hà           | 10A8 | Đi học trễ               | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Hà Hồng Hà           | 10A8 | Không chấp hành kỷ luật  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Võ Nguyễn Đăng Khoa  | 10A8 | Vắng có phép             | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Phan Thị Thúy Nga    | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Tô Hà Bảo Ngọc       | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Huỳnh Thị Quỳnh Như  | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Minh Thư      | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Phan Hoàng Yến Trang | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Vũ Thị Hải Vân       | 10A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                          |            | -26.00  | -26.00  | 13      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Lê Quốc Thắng   | 10A9 | Đi học trễ            | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phạm Ngọc Thùy Trang | 10A9 | Vắng có phép          | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |      |                       |            | -2.00   | -2.00   | 2       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Bảo Châu | 10A10 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Phan Văn Long        | 10A10 | Không Phù hiệu                 | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phan Văn Long        | 10A10 | Giày dép                       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Trần Phương Như      | 10A10 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Thị Bích Trâm | 10A10 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Phương Uyên   | 10A10 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 20/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 7     | Nguyễn Phương Uyên   | 10A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |       |                                |            | -16.00  | -16.00  | 7       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Chu Hoàng An      | 10A11 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Chu Hoàng An      | 10A11 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Huỳnh Anh Thư     | 10A11 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Võ Thị Thanh Tiên | 10A11 | Vắng có phép          | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                   |       |                       |            | 0.00    | 0.00    | 4       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng         | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phan Thị Gia Hân      | 10A12 | Vắng có phép                  | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Phạm Nguyễn Duy Khánh | 10A12 | Đi học trễ                    | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Phạm Nguyễn Duy Khánh | 10A12 | Không chấp hành kỷ luật       | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Ngô Triều Nhan        | 10A12 | Đi học trễ                    | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phạm Hoàng Phi        | 10A12 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Trần Bảo Trân  | 10A12 | Đi học trễ                    | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                               |            | -14.00  | -14.00  | 6       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Lập Đăng Khoa | 10A13 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Lập Đăng Khoa | 10A13 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Nguyễn Bình Minh     | 10A13 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lương Phương Nhi     | 10A13 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trần Bảo Vy          | 10A13 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Trần Bảo Vy          | 10A13 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |       |                                |            | -8.00   | -8.00   | 6       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Thanh Hằng | 11A1 | Đi học trễ               | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Vũ Đăng Khoa          | 11A1 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Vũ Hoàng My    | 11A1 | Vắng có phép             | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Thị Thanh Ngân | 11A1 | Đi học trễ               | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Lê Quỳnh Như          | 11A1 | Vắng có phép             | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Quang Trọng    | 11A1 | Đi học trễ               | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                          |            | -8.00   | -8.00   | 6       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng   | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Hồng Duyên     | 11A2 | Vắng có phép            | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thanh Hóa    | 11A2 | Đi học trễ              | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Ánh Hồng | 11A2 | Đi học trễ              | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Văn Tuấn     | 11A2 | Đi học trễ              | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Văn Tuấn     | 11A2 | Không chấp hành kỷ luật | 23/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Lê Nguyễn Cát Tường | 11A2 | Vắng có phép            | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                         |            | -10.00  | -10.00  | 6       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Phạm Thái Khang      | 11A3 | Áo ngoài quần                  | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Duy Khánh     | 11A3 | Áo ngoài quần                  | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thị Mỹ Nguyên | 11A3 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đặng Minh Thư        | 11A3 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Thị Bích Trâm | 11A3 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -10.00  | -10.00  | 5       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Mỹ Chi      | 11A4 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Thị Mỹ Chi      | 11A4 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Thị Mỹ Chi      | 11A4 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Thị Mỹ Chi      | 11A4 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trần Thị Xuân Cơ       | 11A4 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Thị Thanh Mai   | 11A4 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Phan Hoàng Phát | 11A4 | Cúp tiết                       | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Phan Hữu Quốc          | 11A4 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Thị Cẩm Tiên    | 11A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                        |      |                                |            | -12.00  | -12.00  | 9       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lâm Phúc An            | 11A5 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Lâm Phúc An            | 11A5 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Thành Đạt       | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Hoàng Hữu Huy          | 11A5 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Hoàng Hữu Huy          | 11A5 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Danh Thị Khánh Linh    | 11A5 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Nguyễn Thị Quyền Như   | 11A5 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Trần Ngọc Minh Thư     | 11A5 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Thanh Tú        | 11A5 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Thanh Tú        | 11A5 | Giày dép                       | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Thị Minh Tú     | 11A5 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Trần Xuân Tường | 11A5 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Lâm Ngọc Bảo Vy        | 11A5 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                        |      |                                |            | -22.00  | -22.00  | 13      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng         | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Bảo Châu | 11A6 | Vắng có phép                  | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Ngọc Bảo Châu | 11A6 | Vắng có phép                  | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Bùi Nguyễn Hồng Đào  | 11A6 | Vắng có phép                  | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Tổng Vỹ Khang        | 11A6 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 21/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Lê Thị Cẩm Linh      | 11A6 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 21/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Lưu Nhơn Thuận       | 11A6 | Đi học trễ                    | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Lưu Nhơn Thuận       | 11A6 | Đi học trễ                    | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Lê Thanh Trúc        | 11A6 | Vắng có phép                  | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |      |                               |            | -12.00  | -12.00  | 8       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Vương Quốc An  | 11A7 | Giày dép                       | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Bùi Phạm Thảo Ly      | 11A7 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Thị Kim Ngân       | 11A7 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Lê Thị Kim Ngân       | 11A7 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Hà Phan Tín Nghĩa     | 11A7 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Thị Yến Nhi    | 11A7 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Thị Yến Nhi    | 11A7 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Trương Công Quý       | 11A7 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Đồng Tấn Sơn          | 11A7 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Đồng Tấn Sơn          | 11A7 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 20/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 12    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 13    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 14    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Nguyễn Diễm Mai Thanh | 11A7 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Ngô Thị Lệ Trang      | 11A7 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Cao Hồ Tường Vy       | 11A7 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 19    | Tăng Thị Tường Vy     | 11A7 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 20    | Nguyễn Phi Yến        | 11A7 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                                |            | -28.00  | -28.00  | 20      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Vàng Thị Thanh Hà    | 11A8 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Vàng Thị Thanh Hà    | 11A8 | Quần áo không đúng quy định    | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Nguyễn Đức Huy       | 11A8 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 9     | Lê Thị Bích Liễu     | 11A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Trần Minh Ngà        | 11A8 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Huỳnh Thảo Nghi      | 11A8 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 13    | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 15    | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 16    | Nguyễn Thị Bích Ngọc | 11A8 | Cúp tiết                       | 23/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 17    | Nguyễn Thị Yến Nhi   | 11A8 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Nguyễn Văn Phụng     | 11A8 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 19    | Ngô Gia Quyên        | 11A8 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 20    | Đặng Lâm Anh Thư     | 11A8 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 21    | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 11A8 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 22    | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 11A8 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 23    | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 11A8 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 24    | Nguyễn Thị Bảo Trâm  | 11A8 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| Tổng: |                      |      |                                |            | -50.00  | -50.00  | 24      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng    | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trương Mai Ngọc Hà    | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Phan Minh Hào  | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Đinh Nguyễn Kim Hằng  | 11A9 | Đi học trễ               | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đinh Nguyễn Kim Hằng  | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Đinh Nguyễn Kim Hằng  | 11A9 | Không chấp hành kỷ luật  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 6     | Nguyễn Minh Nghĩa     | 11A9 | Đi học trễ               | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Minh Nghĩa     | 11A9 | Vắng có phép             | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Nguyễn Hữu Vũ Quang   | 11A9 | Vắng có phép             | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Trần Thị Kim Thoa     | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Nguyễn Ngọc Minh Thư  | 11A9 | Mang nước, đồ ăn lên lớp | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Nguyễn Phước Ngọc Thư | 11A9 | Vắng có phép             | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Phan Thành Việt       | 11A9 | Vắng có phép             | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Nguyễn Trường Vũ      | 11A9 | Đi học trễ               | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Nguyễn Trường Vũ      | 11A9 | Cúp tiết                 | 21/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 15    | Nguyễn Trường Vũ      | 11A9 | Không chấp hành kỷ luật  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 16    | Nguyễn Thiên Y        | 11A9 | Vắng có phép             | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                       |      |                          |            | -28.00  | -28.00  | 16      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|--------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Bùi Thái Duy Anh   | 11A10 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Lê Duy      | 11A10 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Lê Duy      | 11A10 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Nguyễn Lê Duy      | 11A10 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Lê Duy      | 11A10 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Minh Phúc   | 11A10 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Phạm Tấn Tài       | 11A10 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Nguyễn Thị Anh Thư | 11A10 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                    |       |                                |            | -14.00  | -14.00  | 13      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|---------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Thùy Dương     | 11A11 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Hải Đăng       | 11A11 | Không chấp hành kỷ luật        | 23/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Trần Hải Đăng       | 11A11 | Giày dép                       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Minh Hưng    | 11A11 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Quốc Khánh   | 11A11 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Nguyễn Hoàng Khiêm  | 11A11 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Đinh Hoàng Hữu Phát | 11A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Mai Võ Thùy Trâm    | 11A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Văn Ngọc Như Ý      | 11A11 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                     |       |                                |            | -18.00  | -18.00  | 9       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên            | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------|-------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Quốc Bảo   | 11A12 | Đi học trễ            | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Quốc Bảo   | 11A12 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Hoàng Lâm  | 11A12 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Trần Thị Yến Linh | 11A12 | Vắng có phép          | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Mai Hữu Minh      | 11A12 | Vắng có phép          | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                   |       |                       |            | -2.00   | -2.00   | 5       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên             | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|--------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Lê Quỳnh Giang     | 12A1 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Phương Nhi  | 12A1 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Hứa Trần Quốc Thái | 12A1 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đỗ Thị Thu Thúy    | 12A1 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Trần Thanh Trúc    | 12A1 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                    |      |                                |            | -6.00   | -6.00   | 5       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT          | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK       | Điểm TB       | Ghi chú   |
|--------------|------------------------|------|--------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------|
| 1            | Nguyễn Bá Đức          | 12A2 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 2            | Lâm Quỳnh Hoa          | 12A2 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 3            | Trần Việt Hòa          | 12A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 4            | Trần Việt Hòa          | 12A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 5            | Đinh Thị Mỹ            | 12A2 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 6            | Phạm Thị Thu Ngân      | 12A2 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 7            | Phạm Thị Thu Ngân      | 12A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 23/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 8            | Dương Trần Trọng Nghĩa | 12A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 9            | Dương Trần Trọng Nghĩa | 12A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 10           | Nguyễn Hồng Cẩm Ngọc   | 12A2 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 11           | Nguyễn Hồng Cẩm Ngọc   | 12A2 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 12           | Nguyễn Thanh Nhật      | 12A2 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 13           | Đoàn Thị Như           | 12A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 14           | Đoàn Thị Như           | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 15           | Đoàn Thị Như           | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 16           | Tạ Công Thành          | 12A2 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 17           | Biện Thủy Tiên         | 12A2 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 18           | Biện Thủy Tiên         | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 19           | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 12A2 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 20           | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 21           | Nguyễn Thị Ngọc Trâm   | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 22           | Nguyễn Hồ Khánh Vy     | 12A2 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| <b>Tổng:</b> |                        |      |                                |            | <b>-52.00</b> | <b>-52.00</b> | <b>22</b> |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng         | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|-------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Trí Dũng     | 12A3 | Vắng có phép                  | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Bùi Minh Đạt        | 12A3 | Mang nước, đồ ăn lên lớp      | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Hoàng Gia Huy       | 12A3 | Đi học trễ                    | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Phạm Gia Huy        | 12A3 | Đi học trễ                    | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phạm Gia Huy        | 12A3 | Mang nước, đồ ăn lên lớp      | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Đỗ Nguyễn Ánh Nhi   | 12A3 | Vắng có phép                  | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Ngô Hoài Quỳnh Nhi  | 12A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Ngô Hoài Quỳnh Nhi  | 12A3 | Vắng có phép                  | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Ái Nhi       | 12A3 | Vắng không phép buổi 1 (sáng) | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 10    | Nguyễn Ái Nhi       | 12A3 | Vắng có phép                  | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Nguyễn Văn Phi      | 12A3 | Đi học trễ                    | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Ngô Mai Tuyết Trinh | 12A3 | Vắng có phép                  | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                               |            | -18.00  | -18.00  | 12      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Đoàn Mỹ Anh    | 12A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Đoàn Mỹ Anh    | 12A4 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Hoàng Lâm      | 12A4 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Nguyễn Thị Thanh Mai  | 12A4 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Thanh Nam      | 12A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Đinh Hoàng Yến Nhi    | 12A4 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Trần Thị Lan Phương   | 12A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Lê Phạm Hữu Thắng     | 12A4 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Nguyễn Ngọc Thanh Thy | 12A4 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Trần Huỳnh Mỹ Tiên    | 12A4 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 11    | Bùi Ngọc Phương Trang | 12A4 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 12    | Nguyễn Đoàn Mỹ Trâm   | 12A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Nguyễn Đoàn Mỹ Trâm   | 12A4 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 14    | Đặng Cẩm Tú           | 12A4 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                       |      |                                |            | -6.00   | -6.00   | 14      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT          | Họ tên                 | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK      | Điểm TB      | Ghi chú   |
|--------------|------------------------|------|-----------------------|------------|--------------|--------------|-----------|
| 1            | Trần Tú Anh            | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 2            | Lưu Hoàng Thành Danh   | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 3            | Nguyễn Phạm Xuân Hoàng | 12A5 | Đi học trễ            | 24/02/2023 | -2.00        | -2.00        |           |
| 4            | Mai Cao Khánh          | 12A5 | Đi học trễ            | 21/02/2023 | -2.00        | -2.00        |           |
| 5            | Mai Cao Khánh          | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 6            | Lưu Thành Nam          | 12A5 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 7            | Nguyễn Hồng Tuyết Nhi  | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 8            | Huỳnh Quang Thái       | 12A5 | Áo ngoài quần         | 24/02/2023 | -2.00        | -2.00        |           |
| 9            | Võ Anh Thiện           | 12A5 | Áo ngoài quần         | 24/02/2023 | -2.00        | -2.00        |           |
| 10           | Châu Tấn Thịnh         | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 11           | Võ Quốc Trường         | 12A5 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 12           | Lâm Nguyễn Anh Tú      | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 13           | Nguyễn Ánh Tuyết       | 12A5 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| 14           | Lý Gia Uyên            | 12A5 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00         | 0.00         |           |
| <b>Tổng:</b> |                        |      |                       |            | <b>-8.00</b> | <b>-8.00</b> | <b>14</b> |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên              | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TĐ | Ghi chú |
|-------|---------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Trần Quốc Dũng      | 12A6 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Trần Quốc Dũng      | 12A6 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Lê Văn Định         | 12A6 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đoàn Nguyễn Ngọc Hà | 12A6 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Đào Phú Hải         | 12A6 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Thị Mỹ Kiều    | 12A6 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Trần Nguyễn Tâm Như | 12A6 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                     |      |                                |            | -8.00   | -8.00   | 7       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------|-----------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Đinh Thị Tuyết Mai    | 12A7 | Đi học trễ            | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 12A7 | Vắng có phép          | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Nguyễn Ngọc Kim Thanh | 12A7 | Vắng có phép          | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Mai Cao Tùng          | 12A7 | Đi học trễ            | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Nguyễn Hạ Vy          | 12A7 | Đi học trễ            | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |      |                       |            | -6.00   | -6.00   | 5       |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                  | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-------------------------|------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Ngô Nguyễn Quỳnh Anh    | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 2     | Nguyễn Đức Trần Hoàng   | 12A8 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 20/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 3     | Nguyễn Đức Trần Hoàng   | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Đào Quốc Huy            | 12A8 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Nguyễn Long Khánh       | 12A8 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Phạm Nguyễn Uyên Phương | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Trần Thúy Quyên         | 12A8 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 8     | Lê Thị Kim Sang         | 12A8 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 9     | Trương Giới Thông       | 12A8 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Võ Văn Vũ               | 12A8 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Lê Ngọc Hạ Vy           | 12A8 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                         |      |                                |            | -18.00  | -18.00  | 11      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT          | Họ tên               | Lớp  | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK       | Điểm TD       | Ghi chú   |
|--------------|----------------------|------|--------------------------------|------------|---------------|---------------|-----------|
| 1            | Trần Ngọc Kiều Diễm  | 12A9 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 2            | Cao Mai Gia Hân      | 12A9 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 3            | Trần Minh Hưng       | 12A9 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 4            | Nguyễn Kiều Ngân     | 12A9 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 22/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 5            | Nguyễn Kiều Ngân     | 12A9 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00         | -4.00         |           |
| 6            | Nguyễn Kiều Ngân     | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 7            | Nguyễn Kiều Ngân     | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 8            | Nguyễn Kiều Ngân     | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 9            | Nguyễn Thị Hồng Ngân | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 10           | Trần Thị Như Ngọc    | 12A9 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 11           | Lê Huỳnh Như         | 12A9 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 12           | Nguyễn Thị Hồng Tiên | 12A9 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 13           | LÊ THỊ THU TRANG     | 12A9 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| 14           | LÊ THỊ THU TRANG     | 12A9 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 15           | Vũ Thụy Tường Vy     | 12A9 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00          | 0.00          |           |
| 16           | Huỳnh Thị Kim Yến    | 12A9 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00         | -2.00         |           |
| <b>Tổng:</b> |                      |      |                                |            | <b>-28.00</b> | <b>-28.00</b> | <b>16</b> |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Huỳnh Nhật Đông Anh   | 12A10 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 2     | Huỳnh Nhật Đông Anh   | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 3     | Nguyễn Đặng Gia Bảo   | 12A10 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 4     | Nguyễn Đặng Gia Bảo   | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 5     | Phan Thanh Duy        | 12A10 | Mang nước, đồ ăn lên lớp       | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 6     | Võ Hoài Nam           | 12A10 | Áo ngoài quần                  | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Ngọc Thanh Nhi | 12A10 | Không chấp hành kỷ luật        | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 8     | Nguyễn Ngọc Thanh Nhi | 12A10 | Quần áo không đúng quy định    | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Đặng Thị Ngọc Trâm    | 12A10 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 10    | Khuru Lê Bảo Trân     | 12A10 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Khuru Lê Bảo Trân     | 12A10 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 12    | Phan Thị Thanh Tú     | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 13    | Vũ Thị Bích Tuyền     | 12A10 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Huỳnh Lê Vy           | 12A10 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 22/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 15    | Huỳnh Lê Vy           | 12A10 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Huỳnh Lê Vy           | 12A10 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 17    | Huỳnh Lê Vy           | 12A10 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -34.00  | -34.00  | 17      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên                | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TD | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thái Dương     | 12A11 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | JEONG EUN             | 12A11 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Trần Bảo Hân          | 12A11 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 4     | Trần Bảo Hân          | 12A11 | Vắng có phép                   | 22/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 5     | Trần Bảo Hân          | 12A11 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Lê Duy Khang          | 12A11 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 7     | Bùi Trúc Linh         | 12A11 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Bùi Trúc Linh         | 12A11 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Nguyễn Hoàng Bảo Long | 12A11 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Võ Ngọc Mỹ            | 12A11 | Đi học trễ                     | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Võ Ngọc Mỹ            | 12A11 | Không chấp hành kỷ luật        | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 12    | Nguyễn Dương Thế Ngọc | 12A11 | Vắng có phép                   | 21/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 13    | Phan Ngọc Diễm Như    | 12A11 | Đi học trễ                     | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 14    | Phạm Kim Pha          | 12A11 | Vắng không phép buổi 1 (sáng)  | 24/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 15    | Phạm Kim Pha          | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 16    | Phạm Kim Pha          | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 22/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 17    | Phạm Kim Pha          | 12A11 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 24/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 18    | Phan Trọng Tiến       | 12A11 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| Tổng: |                       |       |                                |            | -26.00  | -26.00  | 18      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023

| STT   | Họ tên               | Lớp   | Vi phạm - Khen thưởng          | Ngày       | Điểm HK | Điểm TB | Ghi chú |
|-------|----------------------|-------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|
| 1     | Nguyễn Thị Tú Duy    | 12A12 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 2     | Nguyễn Thị Tú Duy    | 12A12 | Vắng có phép                   | 24/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 3     | Lê Thị Kim Ngân      | 12A12 | Đi học trễ                     | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 4     | Lê Thị Kim Ngân      | 12A12 | Không chấp hành kỷ luật        | 23/02/2023 | -4.00   | -4.00   |         |
| 5     | Trần Nguyễn Bảo Ngọc | 12A12 | Vắng có phép                   | 23/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| 6     | Trần Thị Linh Nhi    | 12A12 | Đi học trễ                     | 20/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 7     | Nguyễn Văn Tâm       | 12A12 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 8     | Nguyễn Văn Tâm       | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 9     | Đặng Văn Thành       | 12A12 | Đi học trễ                     | 21/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 10    | Đặng Văn Thành       | 12A12 | Vắng không phép buổi 2 (chiều) | 23/02/2023 | -2.00   | -2.00   |         |
| 11    | Đặng Văn Thành       | 12A12 | Vắng có phép                   | 20/02/2023 | 0.00    | 0.00    |         |
| Tổng: |                      |       |                                |            | -16.00  | -16.00  | 11      |

, ngày 24 tháng 02 năm 2023